**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC**

**CHỦ ĐỀ:** **NHỮNG CON VẬT GẦN GŨI – NGÀY VUI 8/3**

**Thực hiện trong 4 tuần: Tuần 22- Tuần 25**

**Từ ngày 17/2/2025 đến ngày 14/3/2025**

**Giáo viên thực hiện:Trương Thị Lam - Lớp MG Bé B**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Nội dung** | | **Hoạt động** |
| **1.PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT** | | | |
| **\*Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe** | | | |
| **MT1**: Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.  **Bé trai**:  - Cân nặng đạt 12.9 - 20.8 kg.  - Chiều cao đạt: 94.4 - 111.5 cm.  **Bé gái**:  - Cân nặng đạt 12.6 - 20.7 kg.  - Chiều cao đạt: 93.5-109.6 cm. | - Ăn đầy đủ các chất dinh dưỡng,ăn hết khẩu phần ăn trong ngày, thích nghi với các loại thức ăn khác nhau, uống đủ lượng sữa và nước trong ngày.  -Vệ sinh trong ăn uống và vệ sinh cá nhân sạch sẽ  - Tập thể dục sáng, các hoạt động thể dục trong ngày và tăng cường vận động  - Trẻ khỏe mạnh phát triển cân đối theo độ tuổi  - Trẻ cân, đo lần 3 vào tháng 3 và được theo dõi trên biểu đồ tăng trưởng.  - Cân đo theo dõi trẻ suy dinh dưỡng hàng tháng, phòng chống béo phì cho trẻ. | | - **HĐ cân đo theo dõi sức khỏe trẻ:** Trẻ được cân đo lần 3, theo dõi qua biểu đồ và được khám định kỳ.  - **HĐ ăn:** Trẻ được ăn đủ chất một bữa chính một bữa phụ. |
| **MT3:** Trẻ biết tên một số món ăn hằng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau... | - Dạy trẻ nhận biết và gọi đúng tên món ăn quen thuộc với trẻ như: trứng gà cuốn, thịt gà nấu xáo, tôm rim mặn ngọt, cá thu dăm bông, canh rau cải nấu thịt bò.... | | - **HĐ tổ chức bữa ăn:** Trẻ kể được tên các món hằng ngày trẻ được ăn tại trường từ bữa chính và bữa phụ.  - **Chơi, HĐ ở các góc:** Trẻ biết tên các thực phẩm (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).qua trò chơi “ Bán hàng, đầu bếp” |
| **\*Phát triển vận động** | | | |
| **MT10**: Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn. | - Thể dục sáng, bài tập vận động cơ bản  - Hô hấp: Hít vào, thở ra.  - Tay:    + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên.    + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực.  -  Lưng, bụng, lườn:     + Cúi về phía trước.     + Quay sang trái, sang phải.     + Nghiêng người sang trái, sang phải.  - Chân:     + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ.     + Co duỗi chân.  - Các bài tập đồng diễn , dân vũ. | | - **HĐ thể dục sáng:** Trẻ thực hiện động tác hô hấp khi thực hiện bài tập phát triển chung và  thể dục sáng.  - Tập các động tác TDS Kết hợp theo nhạc nhạc bài hát: “ Gà trống mèo con và cún con”,“ Cá vàng bơi ”  - **Hoạt động học:** Trẻ tập các bài tập phát triển chung. |
| **MT11:** Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động ( Đi, ném, bước, bật). | - Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát  - Đi trên ván kê dốc | | **\* Hoạt động học:**  - VĐCB: Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát  +TCVĐ: Bật nhảy  - VĐCB: Đi trên ván kê dốc  +TCVĐ: Mèo đuổi chuột  - **HĐ ngoài trời:** Cho trẻ - Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát  - Đi trên ván kê dốc |
| **MT 12**: Trẻ kiểm soát được vận động ( Chạy, đi, bò, trườn ) | - Chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc.  - Trườn theo hướng thẳng | | **\* Hoạt động học**:  -VĐCB: Chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc.  +TCVĐ: Chuyền bóng  - VĐCB: Trườn theo hướng thẳng  +TCVĐ: Kéo co  \* Hoạt động rèn luyện sức khoẻ: Rèn sự khéo léo của đôi tay và đôi chân  **\*** Hoạt động ngoài trời  **-** Cho tham gia các trò chơi chạy dưới sự dẫn dắt của cô |
| **2.PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC** | | | |
| **\*Khám phá khoa học** | | | |
| **MT16**: Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng. | - Hiện tượng nắng mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.  - Hiện tượng tự nhiên cây cối, hoa, quả..  - Quan sát con vật: con gà, con vịt, ngan, trâu, bò, lợn, cá, cua.. | | - **HĐ ngoài trời:**  **+** Quan sát cây xanh, cây hoa, vườn rau, con gà, con cá,....  **- Chơi HĐ ở các góc:**  + Góc thiên nhiên: Khám phá về các loại cây, con vật, biết cách chăm sóc và bảo vệ cây, con vật gần gũi.  + Góc sách truyện: Xem tranh ảnh, sách về các con vật. |
| **MT19**.Trẻ thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng. | - Động vật nuôi trong gia đình, trong rừng, dưới nước.. | | **-HĐ Học**:  + KPKH: “ Động vật nuôi trong gia đình ”.  + KPKH: “ Động vật sống dưới nước”.  + KPKH: “ Động vật sống trong rừng, côn trùng”  **-HĐ Ngoài trời:**  **+** Quan sát các con vật nuôi, con vật sống dưới nước.....  - **Chơi HĐ ở các góc:**  + Góc khoa học: Tìm hiểu về “ các loài động vật”  **+** Góc sách truyện: Xem tranh ảnh, kể chuyện theo tranh: Các loại động vật đang ăn, di chuyển, cách kiếm mồi,...  + Góc âm nhạc - Tạo hình: Vẽ, nặn, xé dán, tô màu tranh,các loại động vật, thức ăn...; Hát các bài hát về chủ đề Thế giới động vật.  - **HĐ chiều:** Làm quen bài mới, ôn bài cũ về chủ đề động vật. |
| **\*Làm quen một số khái niệm về toán** | | | |
| **MT29**. Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại | - Ghép đôi | | **\*Hoạt động học:**  - Ghép đôi  \***HĐ chơi ở các góc, hoạt động chiều:**  + Thực hiện trong vở toán. |
| **MT31.**Trẻ nhận dạng và gọi đúng tên các hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật. | - Nhận biết và gọi tên các hình: Hình tam giác – hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế | | **\*Hoạt động học:**  - Nhận biết và gọi tên Hình tam giác – hình chữ nhật  \***HĐ chơi ở các góc, hoạt động chiều:** Thực hiện trong vở toán. |
| **\*Khám phá xã hội** | | | |
| **MT37.** Kể tên một số ngày lễ hội: Ngày khai giảng,Tết Trung thu, tết cổ truyền | + Nhận biết các hoạt động trong ngày hội trong trường mầm non và lễ hội địa phương: ngày 8/3. | | **\*Hoạt động học**:  - Tìm hiểu về ngày 8/3. |
| **3. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ** | | | |
| **MT43.** Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm ... | - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở rộng  -Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc. | | **Hoạt động mọi lúc mọi nơi**  - Trẻ biết sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.  **\*Hoạt động trò chuyện**  Trẻ biết  kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim,.. |
| **MT 46**. Trẻ biết đọc thơ , ca dao, đồng giao… | - Nghe, đọc một số bài thơ, ca dao, đồng dao.. phù hợp với lứa tuổi. | | - **Hoạt động học:** Trẻ biết tên bài thơ và hiểu được nội dung bài thơ:  + Thơ: “Đàn gà con”.  + Thơ: “ Rong và cá’”  - **Chơi hoạt động ở các góc:**  + Góc âm nhạc - tạo hình: Trẻ đọc diễn cảm các bài thơ: “ Đàn gà con”, “rong và cá’”  - **Hoạt động chiều:** Ôn luyện, làm quen các bài thơ mới “Đàn gà con”, “rong và cá’”  - Trẻ được làm quen vào giờ đón, trả trẻ. |
| **MT** 47. Trẻ kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn. | - Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe  - Nghe hiểu các câu đơn, câu mở rộng  - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi | | **Hoạt động học:** Trẻ biết tên câu chuyện và hiểu được nội dung câu truyện:  + Bác gấu đen và hai chú thỏ.  - **Chơi hoạt động ở các góc:**  + Góc sách truyện: Trẻ kể lại truyện “Bác gấu đen và hai chú thỏ. dưới sự hướng dẫn của cô. kể lại theo tranh.  - **Hoạt động chiều:** Ôn luyện, làm quen câu truyện:  Bác gấu đen và hai chú thỏ. |
| **4. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM XÃ HỘI** | | | |
| **MT54**. Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi. | + Tự tin khi tham gia vào hoạt động(trò chơi, hoạt động lao động, vui chơi, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân)  và trả lời câu hỏi. | | - Hoạt động trò chuyện.  Rèn cho trẻ các kỹ năng trong giao tiếp hàng ngày |
| **MT59:** Trẻ cố gắng thực hiện các công việc đơn giản được giao. | -Dạy trẻ biết một số quy định ở lớp và gia đình:  + Dạy trẻ kỹ năng lấy, cất đồ chơi đúng nơi quy định.  + Dạy trẻ kỹ năng xếp quần áo. | | \***Hoạt động học:**  + Dạy trẻ kỹ năng lấy, cất đồ chơi đúng nơi quy định.  + Dạy trẻ kỹ năng xếp quần áo  - Dạy trẻ mọi lúc mọi nơi |
| **5. PHÁT TRIỂN THẨM MỸ** | | | |
| **MT 65**. Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể câu chuyện | Nghe bài hát: Gà gáy lé te ( Dân ca Kống Khao), Chú voi con ở bản đôn. | - **Hoạt động học:**  **\* Hoạt động âm nhạc:**  + Nghe hát: “Gà gáy lé te, Chú voi con ở bản đôn”  - **Hoạt động đón, trả trẻ:**  **+** Trẻ được nghe các bài hát, bản nhạc.  - Trẻ được nghe mọi lúc mọi nơi. | |
| **MT 67**. Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc. | - Hát tự nhiên, hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.  - DH: Cá vàng bơi, Quà 8/3.  - Biểu diễn cuối chủ đề. | **- Hoạt động học:**  **\* Hoạt động âm nhạc:**  - NDTT: - VĐ vỗ tay theo phách : Gà trống mèo con và cún con.  - NDTT:  DH: “ Cá vàng bơi”.  + NDKH: TC: “ Ai nhanh nhất ”  - NDTT:  DH: “ Quà 8/3”.  + NDKH: TC: “Tiếng hát ở đâu”  - NDTT: Biểu diễn cuối chủ đề.  - **Chơi hoạt động ở các góc:**  + Góc nghệ thuật: Hát các bài hát về chủ đề  - **Hoạt động chiều:** Làm quen các bài hát mới.  - **Hoạt động đón, trả trẻ:** Trẻ được nghe các bài hát, bản nhạc...  - Trẻ được làm quen mọi lúc mọi nơi. | |
| **MT 70**. Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tô màu tạo thành bức tranh đơn giản | + Vẽ, tô màu con gà con.  + Tô màu con hươu cao cổ.  + Cắt, dán con cá.  + Làm thiệp tặng bà , tặng mẹ | - **Hoạt động học:**  **\* Hoạt động tạo hình:**  + Vẽ, tô màu con gà con.  + Tô màu con hươu cao cổ.  + Cắt, dán con cá.  + Làm thiệp tặng bà , tặng mẹ  - **Chơi hoạt động ở các góc:**  + Góc âm nhạc - Tạo hình.  - **Hoạt động chiều:**  + Xé, dán con sứa.  +Trang trí con sao biển | |
| **MT 72**. Biết cách, lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành sản phẩm có 1 hoặc 2 khối. | - Nặn con vật nuôi bé thích, Nặn thức ăn cho con vật... | **Hoạt động góc, hoạt động chiều:**  -Nặn con vật nuôi bé thích, Nặn thức ăn cho con vật... | |

**KẾ HOẠCH CHĂM SÓC – GIÁO DỤC VỆ SINH DINH DƯỠNG**

**CHỦ ĐỀ: NHỮNG CON VẬT GẦN GŨI – NGÀY VUI 8/3**

**Thực hiện trong 2 tuần: Tuần 22- Tuần 23**

**Từ ngày 17/02/2025 đếnngày 28/02/2025**

**Giáo viên thực hiện: Nguyễn Thị Nhung - Lớp MG Bé B**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Mục đích yêu cầu** | **Tổ chức hoạt động** | **Kết quả** |
| **1. Nuôi dưỡng:**  **\* Ăn uống:**  - Trẻ được ăn 1 bữa chính và 1 bữa phụ số lượng và chất lượng bữa ăn đảm bảo chất dinh dưỡng cho trẻ và đảm bảo đủ năng lượng ở trường  - Trẻ làm quen với một số món ăn do nhà trường chế biến.  - Hàng ngày cho trẻ uống đầy đủ nước.  - Có một số hành vi văn minh trong ăn uống. (Không nói chuyên trong khi ăn, không bốc thức ăn, hắt hơi biết che miệng…)  ……………………………  **\* Tổ chức giấc ngủ:**  - Giáo viên phải nhắc nhở trẻ đi vệ sinh trước khi đi ngủ.  - Giáo dục trẻ biết giờ nào việc nấy, có thói quen đi ngủ đúng giờ quy định.  - Trẻ được ngủ đúng giờ đủ giấc.  - Bố trí chỗ ngủ đảm bảo ấm áp trong mùa đông, giảm ánh sáng trong phòng ngủ. | - 100% trẻ ăn hết suất của mình, thích các món ăn do các cô chế biến.    - Trẻ thích ăn các món ăn do các cô chế biến.  - 100% trẻ được uống nước khi có nhu cầu.  - 100% trẻ thực hiện tốt các hành vi văn minh trong ăn uống.  ........................................  - 100% trẻ được đảm bảo giấc ngủ theo yêu cầu của từng độ tuổi (khoảng 150 phút.)  - Biết lấy gối của mình và đi ngủ đúng chỗ.  - Lớp có đủ chăn ấm, phòng ngủ thoáng. | - Tổ chức cho trẻ ăn trưa, ăn phụ, ăn bữa chiều.    - Cô động viên trẻ ăn hết xuất ăn của trẻ  - Trẻ ăn xong biết uống nước.  - Trong khi ăn trẻ không nói chuyện riêng, không lấy tay bốc thức ăn.  .................................  - Tổ chức cho trẻ ngủ trưa  - Trẻ đi ngủ đúng giờ  - Chuẩn bị đủ gối có ký hiệu riêng cho trẻ.  - Chuẩn bị chăn thảm ngủ cho trẻ | .................... |
| **2. Vệ sinh:**  **\* Vệ sinh cá nhân cô**  - Tác phong hành, động cử chỉ, nhanh nhẹn, nhẹ nhàng, quần áo, đầu tóc, sạch sẽ, gọn gàng, móng tay ngắn.    ……………………………  **\* Vệ sinh cá nhân trẻ**  - Trẻ cho cô rửa tay, lau mặt đúng thao tác vệ sinh.  - Trẻ cho cô vệ sinh thân thể mỗi khi đi bẩn.  - Trẻ được súc miệng nước muối sau khi ăn.  ……………………………  **\* Vệ sinh môi trường nhóm lớp:**  - Trẻ có thói quen vệ sinh cá nhân, đi vệ sinh đúng nơi quy định. Giữ gìn vệ sinh môi trường sạch sẽ. | - Xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc sức khoẻ trẻ theo tưng chủ đề, chủ điểm và thực hiện kế hoạch đầy đủ  - Chuẩn bị đồ dùng cá nhân cho trẻ có ký hiệu từng trẻ đầu năm học.  ........................................  - 100% trẻ được rửa tay dưới vòi nước sạch bằng xà phòng.  - 100% trẻ được vệ sinh sạc sẽ mỗi khi đi bẩn.  - 100% trẻ được sức miệng sau khi ăn.  ........................................  - 100% trẻ giữ gìn và bảo vệ môi trường. | - Vệ sinh cô hàng ngày đầu tóc luôn gọn gàng, móng tay cắt ngắn, quần áo gọn gàng, lịch sự.    .................................  - Tổ chức cho trẻ trước, sau khi ăn và sau khi ngủ dậy.    .................................  - Giáo dục trẻ mọi lúc mọi nơi. | ....................  ..................... |
| **3. Chăm sóc sức khỏe**  **\* Sức khỏe:**  - Trẻ được cân đo theo dõi biểu đồ  - Giữ gìn bảo vệ sức khỏe cho bản thân. Biết một số biểu biện như sốt, ho.  ............................................  **\* Phòng bệnh:**  - Phòng bệnh về đường hô hấp cho trẻ.  - Phòng bệnh cảm cúm, ho, dị ứng khi thời tiết giao mùa  **-**Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ ốm  **\*Chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng** | - 100% trẻ được cân đo theo dõi qua biểu đồ.  - Đảm bảo sức khỏe tốt cho bản thân.  - Phát hiện kịp thời bệnh lý của trẻ để phụ huynh chữa trị kịp thời.  ........................................  - 100% trẻ được tiêm phòng đầy đủ.  - Thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng chống dịch.  - 100% trẻ được phòng và đưa đến trung tâm y tế để phát hiện bệnh.  - 100% trẻ đảm bảo sức khỏe khi đến trường.  - Khi đón trẻ và chăm sóc trẻ trong cả ngày, nếu thấy trẻ có gì khác thường phải theo dõi tình hình sức khỏe của trẻ cẩn thận để xử lý kịp thời  - Trẻ được quan tâm hơn về nhiều mặt, được chăm sóc riêng khi ăn, ngủ  - Khi ăn ngủ cô cần lưu tâm đến các trẻ bị suy dinh dưỡng hơn. | - Phối hợp với phụ huynh chăm sóc sức khỏe cho trẻ.  - Làm tốt công tác tuyên truyền thông qua hệ thống phóng thanh trường và xã  .................................  - Nhắc nhở và tuyên truyền phụ huynh tiêm phòng đầy đủ cho trẻ theo hướng dẫn của y tế địa phương.  - Tuyên truyền với phụ huynh cách phòng chống dịch bênh.Giáo viên phát hiện kịp thời để báo cáo với nhà trường khi có dịch bệnh xảy ra, tránh lây lan trong nhà trường  - Khi chăm sóc trẻ ốm cô luôn ân cần, dịu dàng, không làm trẻ sợ hãi, tránh để trẻ bị lạnh.    - Thường xuyên trao đổi với phụ huynh về sức khỏe của trẻ và trao đổi với phụ huynh về cách chăm sóc về dinh dưỡng cho những trẻ bị SDD và trẻ thấp còi. | ..................... |
| **4. An toàn cho trẻ**  **\* Thể lực:**  - Đảm bảo an toàn cho trẻ ở mọi lúc mọi nơi.  - Tạo cho trẻ cảm giác vui vẻ và thoải mái.  ............................................  **\* Tính mạng:**   - Đảm bản an toàn tính mạng cho trẻ.  - Không để trẻ chơi những vật dụng nguy hiểm. | - 100% trẻ có thể lực tốt khỏe mạnh.  - Trẻ vui vẻ thoái mái khi ở trường, lớp.  .........................................  - 100% trẻ được đảm bảo an toàn về tính mạng.  - 100% trẻ không chơi những vật nguy hiểm. | - Phối hợp với phụ huynh chăm sóc sức khỏe cho trẻ.  .................................  - Trẻ luôn luôn trong tầm kiểm soát của cô.  - Mọi lúc mọi nơi. | .................... |

**KẾ HOẠCH CHĂM SÓC – GIÁO DỤC VỆ SINH DINH DƯỠNG**

**CHỦ ĐỀ: NHỮNG CON VẬT GẦN GŨI – NGÀY VUI 8/3**

**Thực hiện trong 2 tuần: Tuần 24- Tuần 25**

**Từ ngày 03/03/2025 đếnngày 14/03/2025**

**Giáo viên thực hiện: Nguyễn Thị Nhung - Lớp MG Bé B**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Mục đích yêu cầu** | **Tổ chức hoạt động** | **Kết quả** |
| **1. Nuôi dưỡng:**  **\* Ăn uống:**  - Trẻ được ăn 1 bữa chính và 1 bữa phụ số lượng và chất lượng bữa ăn đảm bảo chất dinh dưỡng cho trẻ và đảm bảo đủ năng lượng ở trường  - Trẻ làm quen với một số món ăn do nhà trường chế biến.  - Hàng ngày cho trẻ uống đầy đủ nước.  - Có một số hành vi văn minh trong ăn uống. (Không nói chuyên trong khi ăn, không bốc thức ăn, hắt hơi biết che miệng…)  ……………………………  **\* Tổ chức giấc ngủ:**  - Giáo viên phải nhắc nhở trẻ đi vệ sinh trước khi đi ngủ.  - Giáo dục trẻ biết giờ nào việc nấy, có thói quen đi ngủ đúng giờ quy định.  - Trẻ được ngủ đúng giờ đủ giấc.  - Bố trí chỗ ngủ đảm bảo ấm áp trong mùa đông, giảm ánh sáng trong phòng ngủ. | - 100% trẻ ăn hết suất của mình, thích các món ăn do các cô chế biến.    - Trẻ thích ăn các món ăn do các cô chế biến.  - 100% trẻ được uống nước khi có nhu cầu.  - 100% trẻ thực hiện tốt các hành vi văn minh trong ăn uống.  ........................................  - 100% trẻ được đảm bảo giấc ngủ theo yêu cầu của từng độ tuổi (khoảng 150 phút.)  - Biết lấy gối của mình và đi ngủ đúng chỗ.  - Lớp có đủ chăn ấm, phòng ngủ thoáng. | - Tổ chức cho trẻ ăn trưa, ăn phụ, ăn bữa chiều.    - Cô động viên trẻ ăn hết xuất ăn của trẻ  - Trẻ ăn xong biết uống nước.  - Trong khi ăn trẻ không nói chuyện riêng, không lấy tay bốc thức ăn.  .................................  - Tổ chức cho trẻ ngủ trưa  - Trẻ đi ngủ đúng giờ  - Chuẩn bị đủ gối có ký hiệu riêng cho trẻ.  - Chuẩn bị chăn thảm ngủ cho trẻ | .................... |
| **2. Vệ sinh:**  **\* Vệ sinh cá nhân cô**  - Tác phong hành, động cử chỉ, nhanh nhẹn, nhẹ nhàng, quần áo, đầu tóc, sạch sẽ, gọn gàng, móng tay ngắn.    ……………………………  **\* Vệ sinh cá nhân trẻ**  - Trẻ cho cô rửa tay, lau mặt đúng thao tác vệ sinh.  - Trẻ cho cô vệ sinh thân thể mỗi khi đi bẩn.  - Trẻ được súc miệng nước muối sau khi ăn.  ……………………………  **\* Vệ sinh môi trường nhóm lớp:**  - Trẻ có thói quen vệ sinh cá nhân, đi vệ sinh đúng nơi quy định. Giữ gìn vệ sinh môi trường sạch sẽ. | - Xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc sức khoẻ trẻ theo tưng chủ đề, chủ điểm và thực hiện kế hoạch đầy đủ  - Chuẩn bị đồ dùng cá nhân cho trẻ có ký hiệu từng trẻ đầu năm học.  ........................................  - 100% trẻ được rửa tay dưới vòi nước sạch bằng xà phòng.  - 100% trẻ được vệ sinh sạc sẽ mỗi khi đi bẩn.  - 100% trẻ được sức miệng sau khi ăn.  ........................................  - 100% trẻ giữ gìn và bảo vệ môi trường. | - Vệ sinh cô hàng ngày đầu tóc luôn gọn gàng, móng tay cắt ngắn, quần áo gọn gàng, lịch sự.    .................................  - Tổ chức cho trẻ trước, sau khi ăn và sau khi ngủ dậy.    .................................  - Giáo dục trẻ mọi lúc mọi nơi. | ....................  ..................... |
| **3. Chăm sóc sức khỏe**  **\* Sức khỏe:**  - Trẻ được cân đo theo dõi biểu đồ lần 3 tháng 3  - Giữ gìn bảo vệ sức khỏe cho bản thân. Biết một số biểu biện như sốt, ho.  ............................................  **\* Phòng bệnh:**  - Phòng bệnh về đường hô hấp cho trẻ.  - Phòng bệnh cảm cúm, ho, dị ứng khi thời tiết giao mùa  **-**Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ ốm  ………………………….  **\*Chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng** | - 100% trẻ được cân đo theo dõi qua biểu đồ.  - Đảm bảo sức khỏe tốt cho bản thân.  - Phát hiện kịp thời bệnh lý của trẻ để phụ huynh chữa trị kịp thời.  ........................................  - 100% trẻ được tiêm phòng đầy đủ.  - Thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng chống dịch.  - 100% trẻ được phòng và đưa đến trung tâm y tế để phát hiện bệnh.  - 100% trẻ đảm bảo sức khỏe khi đến trường.  - Khi đón trẻ và chăm sóc trẻ trong cả ngày, nếu thấy trẻ có gì khác thường phải theo dõi tình hình sức khỏe của trẻ cẩn thận để xử lý kịp thời  …………………………  - Trẻ được quan tâm hơn về nhiều mặt, được chăm sóc riêng khi ăn, ngủ  - Khi ăn ngủ cô cần lưu tâm đến các trẻ bị suy dinh dưỡng hơn. | - Phối hợp với phụ huynh chăm sóc sức khỏe cho trẻ.  - Làm tốt công tác tuyên truyền thông qua hệ thống phóng thanh trường và xã  .................................  - Nhắc nhở và tuyên truyền phụ huynh tiêm phòng đầy đủ cho trẻ theo hướng dẫn của y tế địa phương.  - Tuyên truyền với phụ huynh cách phòng chống dịch bênh.Giáo viên phát hiện kịp thời để báo cáo với nhà trường khi có dịch bệnh xảy ra, tránh lây lan trong nhà trường  - Khi chăm sóc trẻ ốm cô luôn ân cần, dịu dàng, không làm trẻ sợ hãi, tránh để trẻ bị lạnh.    …………………..  - Thường xuyên trao đổi với phụ huynh về sức khỏe của trẻ và trao đổi với phụ huynh về cách chăm sóc về dinh dưỡng cho những trẻ bị SDD và trẻ thấp còi. | ..................... |
| **4. An toàn cho trẻ**  **\* Thể lực:**  - Đảm bảo an toàn cho trẻ ở mọi lúc mọi nơi.  - Tạo cho trẻ cảm giác vui vẻ và thoải mái.  ............................................  **\* Tính mạng:**   - Đảm bản an toàn tính mạng cho trẻ.  - Không để trẻ chơi những vật dụng nguy hiểm. | - 100% trẻ có thể lực tốt khỏe mạnh.  - Trẻ vui vẻ thoái mái khi ở trường, lớp.  .........................................  - 100% trẻ được đảm bảo an toàn về tính mạng.  - 100% trẻ không chơi những vật nguy hiểm. | - Phối hợp với phụ huynh chăm sóc sức khỏe cho trẻ.  .................................  - Trẻ luôn luôn trong tầm kiểm soát của cô.  - Mọi lúc mọi nơi. | .................... |